

Bản tin pháp lý

Tháng 10/2004

Nội dung

Thương mại	2
Chống trợ cấp hàng nhập khẩu - Vũ khí bảo hộ Nền sản xuất trong nước.....	2
Các văn bản khác:	4
Thương mại.....	4
Sở hữu trí tuệ	5
Cạnh tranh không lành mạnh liên quan tới Sở hữu Công nghiệp ở Việt Nam.....	5
Các lĩnh vực khác	8
Tài chính.....	8
Ngân hàng.....	8
Kiểm toán.....	9
Khoa học Công nghệ.....	9
Điện lực.....	9
Giao thông vận tải.....	9
Xây dựng.....	9
Y tế.....	9
Văn bản khác.....	9
Địa chỉ Liên hệ	11

Bản tin pháp lý này được phát hành cho khách hàng của chúng tôi và những người quan tâm. Các thông tin trong Bản tin này chỉ để tham khảo. Chúng tôi đề nghị Quý khách hàng và độc giả nên tham khảo ý kiến chuyên môn đối với các vấn đề cụ thể. Xin hãy liên hệ trực tiếp tới các văn phòng của chúng tôi hoặc những người có tên tại cuối Bản tin này.

Bản tin pháp lý này có trên trang Web của chúng tôi tại www.vision-associates.com

© 2004. Bản quyền của Công ty Vision & Associates.

Thương mại

Chống trợ cấp hàng nhập khẩu - Vũ khí bảo hộ nền sản xuất trong nước

Nguyễn Thanh Hằng

Cùng với các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp hàng nhập khẩu cũng được xem là một trong những "vũ khí" quan trọng để bảo hộ nền sản xuất trong nước. Thực tiễn hoạt động thương mại quốc tế cho thấy việc áp dụng các biện pháp chống trợ cấp (CTC) hàng nhập khẩu là một trong những công cụ bảo hộ sản xuất trong nước được hình thành từ rất sớm. Thuế CTC đã xuất hiện trên thế giới từ những năm 90 của thế kỷ XIX, trước cả thuế chống bán phá giá (năm 1904) và các biện pháp tự vệ khác. Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) cũng thừa nhận các biện pháp CTC là công cụ hỗ trợ sản xuất của một nền kinh tế khi có hiện tượng hàng hoá nước ngoài được hưởng trợ cấp nhập khẩu gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại cho ngành sản xuất nội địa của nền kinh tế đó. Phù hợp với thực tiễn này cũng như để "tự bảo vệ" mình trong bối cảnh kinh tế quốc tế nhạy cảm như hiện nay, ngày 20/8/2004, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh "Chống trợ cấp hàng hoá nhập khẩu" và Pháp lệnh này sẽ chính thức có hiệu lực vào ngày 1/1/2005.

Đối tượng điều chỉnh của Pháp lệnh chống trợ cấp hàng nhập khẩu (Pháp lệnh) là hàng hoá được trợ cấp nhập khẩu vào Việt Nam. Trong một chừng mực nào đó, hàng hoá bị bán phá giá và hàng hoá được trợ cấp đều có một điểm chung là chúng đều được nhập khẩu vào Việt Nam và được bán tại lãnh thổ Việt Nam với mức giá thấp hơn "một cách đáng kể" so với giá bán của các "hàng hoá tương tự". Tất nhiên, hàng hoá bị bán phá giá có thể là do nhiều nguyên nhân khác nhau nhưng phần lớn xuất phát từ phía doanh nghiệp. Trong khi đó, việc bán với giá thành thấp hơn đối với hàng hoá được trợ cấp lại có nguyên nhân chủ yếu từ phía Chính phủ của các quốc gia do đã thực hiện việc chính sách trợ cấp đối với các mặt hàng này. Hàng hoá được xác định là có trợ cấp khi hàng hoá đó được sản xuất và nhập khẩu vào Việt Nam được hưởng trợ cấp từ Chính phủ hoặc cơ quan của Chính phủ dưới các hình thức như cấp vốn, chuyển giao cổ phần, cho vay với lãi suất ưu đãi, v.v, hoặc các khoản trợ cấp khác được xác định một cách công bằng, hợp lý và không trái với thông lệ quốc tế.

Theo quy định tại Điều 4 Pháp lệnh, hàng hoá được trợ cấp nhập khẩu vào Việt Nam nếu gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước có thể bị áp dụng một trong hai biện pháp chống trợ cấp là: 1/ áp dụng thuế chống trợ cấp. Thuế suất thuế chống trợ cấp về nguyên tắc không được vượt quá mức trợ cấp được xác định trong các kết luận điều tra áp dụng biện pháp chống trợ cấp; 2/ Chấp nhận cam kết của tổ chức, cá nhân hoặc của Chính phủ nước hoặc vùng lãnh thổ sản xuất, xuất khẩu với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam về việc tự nguyện chấm dứt trợ cấp, giảm mức trợ cấp, cam kết điều chỉnh giá xuất khẩu hoặc áp dụng các biện pháp thích hợp khác. Như vậy, hai biện pháp này được áp dụng một cách riêng rẽ. Trong hai phương thức, cam kết của bên xuất khẩu hàng hoá vào Việt Nam được coi là

Việc áp dụng các biện pháp chống trợ cấp đối với hàng hoá được trợ cấp nhập khẩu vào Việt Nam nhằm hướng tới mục đích ngăn ngừa hoặc hạn chế thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước thông qua việc loại bỏ các "lợi ích" về mặt kinh tế được đem lại cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu hàng hoá vào Việt Nam từ sự hỗ trợ về mặt tài chính (trợ cấp) của Chính phủ hoặc cơ quan của Chính phủ dành cho họ. Chính những lợi ích kinh tế này đã dẫn tới việc hàng hoá được trợ cấp nhập khẩu có thể được bán với giá thành thấp hơn khiến cho mặt bằng cạnh tranh trở nên không đồng đều. Sẽ có một vấn đề nảy sinh ở đây là khi một loại hàng hoá nào đó có xuất xứ từ nước ngoài nhập khẩu vào Việt Nam và được bán với một mức giá thấp hơn rất nhiều so với mức giá trung bình của mặt hàng này tại nước xuất xứ cũng như tại các quốc gia nhập khẩu khác và được xác định là có trợ cấp nhập khẩu đồng thời bán phá giá thì liệu rằng có thể áp dụng đồng thời các biện pháp chống trợ cấp và chống bán phá giá hay không? Trong một chừng mực nào đó có thể thấy rằng rất nhiều yếu tố có thể dẫn tới việc hàng hoá bị bán phá giá, không loại trừ việc những hàng hoá đó đã được hưởng trợ cấp từ Chính phủ nước xuất xứ. Việc áp dụng thuế chống bán phá giá khiến cho giá bán của hàng hoá đó tương đương với mức giá trung bình trên thị trường. Điều đó có nghĩa là việc áp dụng thuế chống bán phá giá đã loại bỏ những lợi thế kinh tế mang lại từ việc trợ cấp đối với hàng hoá nhập khẩu và do đó, không cần thiết phải áp dụng thêm thuế CTC.

Trên thực tế, có thể dễ dàng nhận thấy rằng, việc áp dụng các biện pháp chống trợ cấp sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến Chính phủ nước ngoài và thị phần của các nhà sản xuất của họ ở Việt Nam, do vậy có thể dẫn tới sự khiếu nại từ phía Chính phủ nước ngoài, thậm chí khi tham vấn liên Chính phủ không thành công, có thể dẫn tới bị trả đũa. Chính bởi vậy, các biện pháp chống trợ cấp không thể được áp dụng một cách tùy tiện mà phải tuân thủ theo những nguyên tắc, điều kiện và trình tự, thủ tục tương đối chặt chẽ. Một trong những nguyên tắc cơ bản của việc áp dụng các biện pháp chống trợ cấp là "chỉ được áp dụng ở mức độ cần thiết, hợp lý nhằm ngăn ngừa hoặc hạn chế thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước" (Khoản 1 Điều 5 Pháp lệnh). Điều đó có nghĩa là không phải lúc nào việc xác định được hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam được hưởng trợ cấp cũng dẫn tới hệ quả là các biện pháp chống trợ cấp sẽ được áp dụng đối với chúng. Khi quyết định có áp dụng các biện pháp chống trợ cấp hay không cần phải có sự cân nhắc kỹ lưỡng giữa các lợi ích kinh tế - xã hội với các tác động tiêu cực trong quan hệ hợp tác kinh tế giữa Việt Nam với các quốc gia khác do việc áp dụng các biện pháp chống trợ cấp đem lại. Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Pháp lệnh, việc áp dụng biện pháp chống trợ cấp chỉ được thực hiện khi đã tiến hành điều tra và phải dựa trên kết luận điều tra. Việc điều tra hàng hoá trợ cấp nhập khẩu vào Việt Nam được tiến hành bởi một cơ quan điều tra chuyên biệt - Cơ quan điều tra chống trợ cấp thuộc Bộ Thương mại sau khi có yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp của các tổ chức, cá nhân đại diện cho ngành sản xuất trong nước hoặc theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Thương mại. Trên thực tế, các thông tin về việc hàng hoá được trợ cấp nhập khẩu vào Việt Nam có thể được nắm bắt qua nhiều kênh khác nhau nhưng phần lớn là được phát hiện thông qua "trực giác kinh doanh" của các doanh nghiệp. Chính bởi vậy, trong việc thực hiện yêu cầu điều tra chống trợ cấp, vai trò của các Hiệp hội ngành hàng như Hiệp hội chè, cà phê, ca cao; Hiệp hội dệt may.vv, sẽ đóng vai trò rất quan trọng. Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ yêu cầu điều tra chống trợ cấp, trong thời hạn 60 ngày, Bộ trưởng Bộ Thương mại phải ra quyết định điều tra. Thời hạn điều tra tối đa

là 12 tháng (trong trường hợp cần thiết có thể được gia hạn thêm nhưng không quá 6 tháng). Quá trình điều tra phải làm rõ được các vấn đề về xác định trợ cấp, xác định thiệt hại và đe dọa gây thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước. Kết luận sơ bộ về vấn đề chống trợ cấp sẽ được đưa ra trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày có quyết định điều tra. Sau khi kết thúc quá trình điều tra, cơ quan điều tra công bố kết luận cuối cùng về các nội dung liên quan đến quá trình điều tra.

Trước khi có kết luận điều tra cuối cùng, các biện pháp chống trợ cấp tạm thời gồm thuế chống trợ cấp tạm thời và cam kết vẫn có thể được áp dụng trên cơ sở đã có kết luận điều tra sơ bộ. Trong trường hợp biện pháp cam kết không đạt được thì trên cơ sở kết luận điều tra cuối cùng và kiến nghị của Hội đồng xử lý vụ việc chống trợ cấp, Bộ trưởng Bộ Thương mại sẽ ra quyết định áp dụng hay không áp dụng thuế chống trợ cấp.

Trên đây là một số nội dung cơ bản của Pháp lệnh Chống trợ cấp hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam có hiệu lực vào ngày 1/1/2005 sắp tới. Việc ban hành Pháp lệnh này đã thể hiện tính chủ động của Việt Nam trong vận dụng các chuẩn mực chung của quốc tế vào nội luật và chính sách thương mại. Việc trợ cấp xuất khẩu, đặc biệt là của những nước có nền kinh tế phát triển như Mỹ, Nhật hay các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu sẽ gây ra những tác động lớn đối với thành phần kinh tế tương tự tại các nước đang phát triển như Việt Nam. Điều này đã được thể hiện phần nào qua việc cáo buộc và đã thắng kiện của Brazil đối với Mỹ trong vụ kiện chống chính sách trợ cấp cho người trồng bông trong nước của Mỹ tại WTO. Tuy nhiên, cho đến nay, Việt Nam chưa gia nhập WTO nên chúng ta chưa thể có được những biện pháp chống trợ cấp hàng nhập khẩu mang tính quốc tế như trên. Vì vậy, trong giai đoạn hiện nay, với ý nghĩa là cơ sở pháp lý cho việc áp dụng các biện pháp chống trợ cấp, Pháp lệnh này có thể được xem như một vũ khí quan trọng trong việc bảo hộ nền sản xuất trong nước. Nó sẽ giúp cho các doanh nghiệp trong nước yên tâm hơn khi Nhà nước cắt giảm và loại bỏ các công cụ bảo hộ truyền thống như các biện pháp hạn chế định lượng, thuế nhập khẩu- trước sự đòi hỏi của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Các văn bản khác:

Thương mại

- Ngày 24/9/2004, Bộ trưởng Bộ Thương mại đã ban hành Quyết định số 1371/2004/QĐ-BTM về việc ban hành Quy chế siêu thị, trung tâm thương mại.
- Ngày 10/10/2004, Chính phủ ban hành Nghị định số 175/2004/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại.
- Ngày 22/9/2004, Chính phủ ban hành Nghị định số 169/2004/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá.

Sở hữu trí tuệ

Cạnh tranh không lành mạnh liên quan tới Sở hữu Công nghiệp ở Việt Nam

Nguyễn Thanh Hằng

Có thể nói, cạnh tranh là một quy luật tất yếu và đồng thời cũng là động lực thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Mục đích của cạnh tranh không gì khác ngoài việc làm thế nào để hàng hoá, dịch vụ của mỗi doanh nghiệp được bán chạy trên thị trường hay nói một cách khái quát hơn, đó chính là vấn đề lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp muốn đạt được thông qua quá trình sản xuất, kinh doanh của mình.

Kể từ khi chính sách Đổi mới được thực hiện và cùng với quá trình thiết lập một nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, các doanh nghiệp Việt Nam đã từng bước chịu sự chi phối và cuốn vào vòng xoáy của quy luật cạnh tranh. Trên thực tế, cạnh tranh giữa các doanh nghiệp có thể được thực hiện bởi nhiều phương thức khác nhau. Tuy nhiên, vấn đề đáng chú ý là bên cạnh những phương thức cạnh tranh phù hợp pháp luật và đạo đức kinh doanh thì cũng có không ít các doanh nghiệp đã sử dụng các chiến thuật cạnh tranh thiếu tính trung thực trong các hoạt động thương mại của mình. Trong một vài năm trở lại đây, các biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh liên quan tới quyền sở hữu công nghiệp, đặc biệt là liên quan tới Nhân hiệu hàng hoá đã có chiều hướng gia tăng một cách rõ rệt. Mặc dù vậy, hệ thống pháp luật về sở hữu công nghiệp ở Việt Nam hiện nay lại chưa thiết lập được một cơ chế thực sự hữu hiệu để ngăn chặn cũng như áp dụng những biện pháp xử lý phù hợp đối với những hành vi này.

Phù hợp với tinh thần chung được quy định tại Điều 10bis Công ước Paris về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, Điều 24 Nghị định số 54 ngày 3/10/2000 mặc dù chưa đưa ra được một khái niệm có tính khái quát về hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan tới SHCN nhưng đã chỉ ra được các biểu hiện đặc trưng của hành vi này, cụ thể như sau:

1. Sử dụng các chỉ dẫn thương mại để làm sai lệch nhận thức và thông tin về chủ thể kinh doanh, cơ sở kinh doanh, hoạt động kinh doanh, hàng hoá, dịch vụ nhằm mục đích:
 - Lợi dụng uy tín, danh tiếng của người sản xuất, kinh doanh khác trong sản xuất kinh doanh của mình;
 - Làm thiệt hại đến uy tín, danh tiếng của người sản xuất, kinh doanh khác trong sản xuất, kinh doanh của mình;
 - Gây nhầm lẫn về xuất xứ, cách sản xuất, tính năng, chất lượng, số lượng hoặc đặc điểm khác của hàng hoá, dịch vụ; về điều kiện cung cấp hàng hoá, dịch vụ cho người tiêu dùng trong quá trình nhận biết, chọn lựa hàng hoá, dịch vụ hoặc hoạt động kinh doanh.

2. Chiếm đoạt, sử dụng thành quả đầu tư của người khác mà không được người đó cho phép.

Từ trước tới nay, chúng ta vẫn cho rằng các đối tượng của quyền sở hữu công nghiệp được chia thành hai nhóm: 1/ Nhóm các sáng tạo công nghiệp (điển hình là sáng chế) và 2/ Nhóm các chỉ dẫn thương mại (điển hình là nhãn hiệu hàng hoá). Tinh thần chung của Nghị định số 54 cũng là như vậy. Theo quy định tại Điều 4 Nghị định này thì các thuật ngữ "Chỉ dẫn thương mại" và "thành quả đầu tư" được hiểu như sau: "Chỉ dẫn thương mại là các dấu hiệu, thông tin hướng dẫn thương mại hàng hoá, dịch vụ, gồm nhãn hiệu hàng hoá, tên thương mại, biểu tượng kinh doanh, khẩu hiệu kinh doanh, chỉ dẫn địa lý, kiểu dáng bao bì của hàng hoá, nhãn hàng hoá"; "Thành quả đầu tư là kiến thức, thông tin dưới dạng công nghệ, sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, bí quyết kỹ thuật, bí mật kinh doanh... thu được từ hoạt động đầu tư về tài chính hoặc trí tuệ". Hiện nay, trên thực tế, do các đối tượng sáng tạo công nghiệp (thuộc nội hàm của khái niệm thành quả đầu tư) thường mang tính kỹ thuật phức tạp và việc áp dụng chúng tương đối khó và đòi hỏi phải có sự đầu tư không nhỏ về mặt tài chính cũng như thời gian, thêm nữa là trình độ kỹ thuật ở Việt Nam còn chưa cao nên việc sử dụng trái phép các "thành quả đầu tư" cũng như phát hiện ra việc sử dụng trái phép các thành quả đầu tư nhìn chung còn rất ít.

Trong khi việc sử dụng trái phép các thành quả đầu tư cũng như việc phát hiện ra các hiện tượng này còn chưa nhiều thì việc sử dụng các chỉ dẫn thương mại mang tính cạnh tranh không lành mạnh lại diễn ra một cách hết sức phổ biến và có chiều hướng gia tăng mạnh trong thời gian gần đây. Nhìn chung, chỉ dẫn thương mại được sử dụng nhiều nhất trong các trường hợp cạnh tranh không lành mạnh vẫn là "nhãn hiệu hàng hoá". Trước đây, các cá nhân, tổ chức cạnh tranh không lành mạnh thường bắt chước y hệt các nhãn hiệu hàng hoá được bảo hộ (cấu trúc, cách phát âm nhãn hiệu chữ, cách trình bày tổng thể các yếu tố màu sắc, hình minh hoạ... được trình bày trên nhãn hàng hoá). Hiện nay, hành vi cạnh tranh không lành mạnh lại diễn ra dưới những hình thức tinh vi hơn. Người vi phạm không bắt chước y hệt các nhãn hiệu hàng hoá đã được bảo hộ mà có thể chỉ bắt chước một phần chủ đạo (ví dụ như bắt chước phần hình hai con bò đỏ húc nhau trên bao bì sản phẩm nước uống tăng lực của Công ty T.C Pharma nhưng lại thay đổi tên nhãn hiệu thành Red Buffaloo chứ không để tên nhãn hiệu như nhãn hiệu đã được bảo hộ là Redbull). Một cách khác, người vi phạm còn có thể chế bản mẫu nhãn hàng hoá, bao bì sản phẩm với những yếu tố chữ, hình, màu sắc tương tự với nhãn hiệu được bảo hộ với một vài thay đổi nhất định nhưng không đủ để người tiêu dùng có thể phân biệt được giữa sản phẩm do chủ nhãn hiệu cung cấp với sản phẩm do người vi phạm cung cấp trên thị trường. Hình thức cạnh tranh không lành mạnh này diễn ra một cách khá phổ biến trong nhiều lĩnh vực đặc biệt là trong lĩnh vực sản xuất và buôn bán các sản phẩm dược. Thực tế cho thấy không ít công ty thậm chí đã được cấp văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu của mình, tuy nhiên khi thực tế sử dụng, họ lại chế bản nhãn hiệu đó của mình tương tự với các nhãn hiệu đã được bảo hộ từ trước và đã được sử dụng rộng rãi của các chủ thể kinh doanh khác. Ví dụ 1: Công ty X đã được cấp văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu TILUSA, tuy nhiên, trong thực tế sử dụng, nhãn hiệu này lại được trình bày với hai phần chữ tương đối tách biệt "Til USA". Với cách trình bày nhãn hiệu như vậy, phần chữ Til lại trở nên tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu Tilt của công ty Syngenta Participation AG và phần chữ USA hoàn toàn có

thể khiến người tiêu dùng bị nhầm lẫn về nơi xuất xứ của sản phẩm. Ví dụ 2: Công ty Y của Việt Nam tiến hành đăng ký lưu hành tại Cục Bảo vệ thực vật cho sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật mang nhãn hiệu FORWANVIL. Trong thực tế lưu hành sản phẩm, công ty Y đã trình bày nhãn hiệu của mình thành hai bộ phận gần như tách biệt "Forw ANVIL" với phần đầu "Forw" được trình bày là phông chữ thường với cỡ chữ nhỏ. Trong khi đó phần chữ ANVIL lại được trình bày ở phông chữ in hoa và cỡ chữ to hơn. Với cách trình bày nhãn hiệu như vậy, công ty Y đã có ý định rất rõ ràng là thu hút toàn bộ sự chú ý của người tiêu dùng vào yếu tố chữ ANVIL. Tuy nhiên vấn đề đặt ra ở đây là chữ ANVIL lại hoàn toàn trùng với nhãn hiệu đã được bảo hộ của công ty Syngenta Participation AG.

Trên đây chỉ là một vài trong số muôn vàn những biểu hiện đa dạng của hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan tới sở hữu công nghiệp đặc biệt là nhãn hiệu hàng hoá trong thời gian qua. Theo quy định tại Điều 25 và Điều 27 Nghị định số 54 thì "Tổ chức, cá nhân bị thiệt hại hoặc có khả năng bị thiệt hại do hành vi cạnh tranh không lành mạnh thuộc lĩnh vực sở hữu công nghiệp có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền buộc người có hành vi cạnh tranh không lành mạnh phải chấm dứt hành vi đó, yêu cầu bồi thường thiệt hại; xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người có hành vi cạnh tranh không lành mạnh"; "Tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi cạnh tranh không lành mạnh thuộc lĩnh vực sở hữu công nghiệp thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi đó sẽ bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định pháp luật". Mặc dù pháp luật có quy định như vậy nhưng trên thực tế, chủ sở hữu hợp pháp của các chỉ dẫn thương mại vẫn gặp phải rất nhiều khó khăn trong quá trình bảo vệ quyền của mình.

- Để có thể tiến hành các bước xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh, chủ sở hữu các chỉ dẫn thương mại thường phải yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ giám định, kết luận việc sử dụng các chỉ dẫn thương mại của một cá nhân tổ chức nào đó là hành vi cạnh tranh không lành mạnh xâm phạm các quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Nhìn chung cạnh tranh không lành mạnh là một vấn đề tương đối khó xác định nên Cục Sở hữu trí tuệ rất thận trọng trong việc đưa ra kết luận giám định và vì thế thời gian trả lời yêu cầu giám định của các chủ sở hữu chỉ dẫn thương mại thường bị kéo dài làm ảnh hưởng tới tiến trình chung của việc xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh.
- Do cơ sở pháp lý cho việc áp dụng các chế tài hành chính đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh còn thiếu nên các cơ quan có thẩm quyền thường rất ngần ngại trong việc buộc cá nhân, tổ chức vi phạm phải chấm dứt hành vi cạnh tranh không lành mạnh cũng như buộc các chủ thể đó phải bị áp dụng các chế tài tương xứng.
- Bộ luật hình sự chưa có bất kỳ quy định nào về "tội cạnh tranh không lành mạnh" nên không thể nói tới việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi này vì một nguyên tắc cơ bản của luật hình sự đó là không có hành vi nào có thể bị coi là tội phạm một khi hành vi đó chưa được quy định trong Bộ luật Hình sự.
- Về mặt dân sự, một vấn đề muôn thủa mà các doanh nghiệp bị cạnh tranh không lành mạnh liên quan tới sở hữu công nghiệp vẫn không ngừng kêu ca đó là mặc dù

bị vi phạm và phải bỏ ra những khoản tiền không nhỏ cho việc xử lý những hành vi kiểu cạnh tranh không lành mạnh nhưng họ chẳng được hưởng bất kỳ một khoản tiền bồi thường nào từ phía bên vi phạm (mà trên thực tế, bên vi phạm là người được hưởng lợi - các lợi ích về mặt tài chính từ việc sử dụng các chỉ dẫn thương mại tương tự). Lý do hết sức đơn giản cho thực trạng này là "Luật chưa có quy định cụ thể".

Thiết nghĩ, trong cả hệ thống các quan hệ xã hội được pháp luật điều chỉnh, cạnh tranh không lành mạnh liên quan tới sở hữu công nghiệp cũng chỉ là một bộ phận rất nhỏ. Tuy nhiên nó lại có quan hệ chặt chẽ với các lợi ích của doanh nghiệp. Việc thiết lập nên một hành lang pháp lý cũng như các cơ chế bảo đảm lợi ích của doanh nghiệp ở một góc độ nào đó cũng có thể được xem là động lực thúc đẩy sự phát triển xã hội và nền kinh tế. Chính bởi vậy, chúng tôi cho rằng các cơ quan chức năng cần nhanh chóng xem xét, kiện toàn hệ thống các văn bản pháp luật làm cơ sở pháp lý và thiết lập nên cơ chế đồng bộ cho việc xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh đang có chiều hướng gia tăng ở Việt Nam hiện nay.

Các lĩnh vực khác

Tài chính

- Quyết định số 77/2004/QĐ-BTC ngày 28/9/2004 của Bộ Tài chính quy định quản lý hải quan đối với hàng hoá bán tại cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế.
- Ngày 29/9/2004, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 93/2004/TT-BTC hướng dẫn một số nội dung Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- Quyết định số 79/2004/QĐ-BTC ngày 11/10/2004 của Bộ Tài chính về việc ban hành biểu mức thu lệ phí hạn ngạch xuất khẩu hàng dệt, may sang thị trường Hoa Kỳ.
- Quyết định số 80/2004/QĐ-BTC ngày 12/10/2004 của Bộ Tài chính về việc bổ sung Danh mục dự án vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.
- Ngày 13/10/2004, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 96/2004/TT-BTC hướng dẫn quản lý, thanh toán, thu hồi và quyết toán vốn ứng trước dự toán ngân sách năm sau cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản.

Ngân hàng

- Ngày 15/9/2004, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 05/2004/TT-NHNN hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 159/2003/NĐ-CP ngày 10/12/2003 của Chính phủ về cung ứng và sử dụng séc.
- Quyết định số 1232/2004/QĐ-NHNN ngày 24/9/2004 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc bãi bỏ các quy định về nhận tiền gửi và cho vay áp dụng đối với hệ thống quỹ tín dụng nhân dân trong giai đoạn thí điểm.
- Thông tư số 06/2004/TT-NHNN ngày 27/9/2004 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn về tín dụng nội bộ hợp tác xã.

- Quyết định số 1254/QĐ-NHNN ngày 30/9/2004 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam.

Kiểm toán

- Ngày 22/9/2004, Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 76/2004/QĐ-BTC ban hành Quy chế lựa chọn doanh nghiệp kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết chứng khoán hoặc tổ chức kinh doanh chứng khoán.

Khoa học Công nghệ

- Ngày 28/9/2004, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 171/2004/QĐ-TTg về việc phê duyệt đề án đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ.

Điện lực

- Ngày 05/10/2004, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 176/2004/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Điện Việt Nam giai đoạn 2004-2010, định hướng đến năm 2020.

Giao thông vận tải

- Ngày 30/9/2004, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định số 17/2004/QĐ-BGTVT về việc ban hành Quy định về tốc độ, khoảng cách của xe cơ giới lưu hành trên đường bộ. Quyết định này thay thế Quyết định số 4596/2001/QĐ-BGTVT ngày 28/12/2001.

Xây dựng

- Ngày 15/9/2004, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 05/2004/TT-BXD hướng dẫn thủ tục và quản lý việc cấp giấy phép thầu cho nhà thầu nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam.

Y tế

- Thông tư số 09/2004/TT-BYT ngày 14/9/2004 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn sửa đổi bổ sung một số điểm của Thông tư số 01/2004/TT-BYT ngày 06/01/2004 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn hành nghề y dược tư nhân.

Văn bản khác

- Ngày 22/9/2004, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 170/2004/NĐ-CP về sắp xếp, đổi mới và phát triển nông trường quốc doanh.
- Ngày 30/9/2004, Chính phủ ban hành Nghị định số 173/2004/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Thi hành án dân sự về thủ tục, cưỡng chế và xử phạt vi phạm hành chính trong thi hành án dân sự.

- Ngày 02/10/2004, Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao ban hành Nghị quyết số 03/2004/NQ-HĐTP hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ nhất "Những quy định chung" của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003.
- Ngày 05/10/2004, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 177/2004/QĐ-TTg về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020.
- Ngày 06/10/2004, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 179/2004/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chiến lược ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin tài nguyên môi trường đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020.

Địa chỉ Liên hệ

Trụ sở Hà Nội

Phạm Nghiêm Xuân Bắc

Giám đốc

Phạm Minh Hải

Phó Giám đốc, Phụ trách tư vấn

Lê Quỳnh Anh

Luật sư

Lê Thị Kim Dung

Luật sư Sở hữu Trí tuệ

Phòng 2, Tầng 1, Trung tâm Quốc tế

17 Ngô Quyền, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 84-4 934-0629 / 824-1623 - Fax: 84-4 934-0631

E-mail: vision@hn.vnn.vn

Chi nhánh tại TP HCM

Đặng Thế Đức

Phó Giám đốc

Phòng 8A1, Tầng 8, Toà Nhà Hán Nam

65 Nguyễn Du, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 84-8 823-6495 / 823-6501 - Fax: 84-8 823-6496

E-mail: hcmvision@hcm.vnn.vn

www.vision-associates.com